CÁC TÁC PHẨM "BIẾN VĂN" CỦA TRUNG QUỐC VÀ "YÊN TỬ THIỀN TÔNG BẢN HẠNH" CỦA VIỆT NAM – MẤY SO SÁNH VÀ NHẬN DIỆN THỂ LOẠI

Lê Thời Tân, Nguyễn Thị Thanh Huyền
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: *Học giả Trung Quốc phổ biến nhận định "biến văn" (變文 bianwen) là một thể loại văn học hiểu theo nghĩa dùng để chỉ phần ngôn từ được ghi lại thành văn bản phục vụ cho một hoạt động sinh hoạt tôn giáo Phật giáo xuất hiện vào thời Đường. Ở Việt Nam có trường thiên lục bát "kể hạnh". Hiện còn truyền được tác phẩm "Yên Tử Thiền tông bản hạnh" của thiền sư Chân Nguyên. Tác phẩm đươc xem như là phần lời của một loại hình diễn xướng nghi lễ nhà chùa. Bài viết tiến hành một số so sánh và nhận diện thể loại đối với hai sản phẩm văn hóa văn học "biến văn" của Trung Quốc và "kể hạnh" của Việt Nam (trường hợp "Yên Tử Thiền tông bản hạnh" của Chân Nguyên). Cả hai đều xuất phát từ nhu cầu phổ biến Phật giáo đến đại chúng thông qua hình thức kể chuyện và diễn xướng. Tuy nhiên, "biến văn" đặc trưng bởi cấu trúc văn xuôi-vần xen kẽ, ngôn ngữ bạch thoại Hán, phạm vi chủ đề rộng (bao gồm cả truyện Phật giáo, lịch sử, dân gian), và thường kết hợp với tranh ảnh minh họa (bianxiang) khi trình diễn. Ngược lại, "kể hạnh" chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát bằng chữ Nôm, tập trung hơn vào hạnh tích các nhân vật và lịch sử dòng truyền Phật giáo Việt Nam, và gắn liền với các hình thức diễn xướng nghi lễ cụ thể như "chèo đò kể hạnh". Trường hợp "Yên Tử Thiền tông bản hạnh" là minh chứng rõ nét cho việc sử dụng "kể hạnh" để thuật lại và tôn vinh lịch sử một dòng thiền cụ thể.*

Từ khóa: *"biến văn", "kể hạnh", văn học so sánh, nhận diện thể loại văn học, "Thiền tông bản hạnh".*

Nhận bài ngày 20.03.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.06.2025
Liên hệ tác giả: Lê Thời Tân; email: lttan@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học giả Trung Quốc phổ biến nhận định "biến văn" (變文 bianwen) là một thể loại văn học hiểu theo nghĩa dùng để chỉ phần ngôn từ được ghi lại thành văn bản phục vụ cho một hoạt động sinh hoạt tôn giáo Phật giáo xuất hiện vào thời Đường của Trung Quốc. Giới nghiên cứu Trung Quốc đã tìm thấy các bản thảo biến văn ở hang động Đôn Hoàng (敦煌石窟) có đính kèm tranh vẽ minh họa đó. Họ cũng nhận ra trong một số văn bản biến văn Đôn Hoàng có những kí hiệu chỉ ra yêu cầu về phương thức giọng nói đối đoạn văn được nói hay được tụng. Trình độ nghệ thuật của buổi biểu diễn biến văn thể hiện ở sự kết hợp giữa âm nhạc, lời kể và tranh minh họa. Chính điều này thu hút đông đảo công chúng - không chỉ thường dân mà còn cả giới quyền quý và trí thức sĩ nhân nữa. Ở Việt Nam như tác giả *Việt Nam Phật giáo sử luận* đã luận thuật đến - có hình thức gọi là kể hạnh. Hiện còn truyền được tác phẩm "Yên Tử Thiền tông bản hạnh" của thiền sư Chân Nguyên. Tác phẩm đươc xem như là phần lời của một loại hình diễn xướng nghi lễ nhà chùa. Nguyễn Lang xem đó là sản phẩm cái mà ông gọi là "văn học kể hạnh" - "Một loại văn học truyền miệng để duy trì những tại liệu lịch sử về các vị tổ sư Phật Giáo… Văn kể hạnh là văn đặc biệt của nhà chùa; đó là một lối văn hát; giọng của các già lớn tuổi xen vào giọng của các thiếu nữ. Các bà các cô thuộc lòng những điều họ kể, nếu thiết sót hay sai lầm thì đã có các thầy căn cứ trên các bản *Khóa Hư* và *Tam Tổ Thực Lục* để sửa chữa hoặc bổ sung lại" [1 tr.]. Trong bài viết này chúng tôi sẽ cố gắng tiến hành một số so sánh và nhận diện thể loại đối với hai sản phẩm văn hóa văn học biến

văn của Trung Quốc và kể hạnh của Việt Nam (trường hợp "Yên Tử Thiền tông bản hạnh" của Chân Nguyên).

2. NỘI DUNG

2.1. "Biến văn" Trung Quốc - nhìn nhận trong liên hệ với "bản hạnh" Việt Nam

Học giả Trung Quốc phổ biến nhận định "biến văn" (變文 bianwen) là một thể loại văn học hiểu theo nghĩa dùng để chỉ phần ngôn từ được ghi lại thành văn bản phục vụ cho một hoạt động sinh hoạt tôn giáo Phật giáo xuất hiện vào thời Đường của Trung Quốc. Từ thời nhà Ngụy (220-265) qua nhà Tấn (265-420) rồi thời nhà Tùy (581-618) và nhà Đường (618-907), Phật giáo đã trở nên phổ biến ở Trung Quốc. Trước khi xuất hiện hình thức biến văn các tu viện và chùa chiền cũng đã sử dụng nhiều phương thức tuyên truyền phổ cập kinh nghĩa Phật giáo. Chẳng hạn đọc cho nghe (reading), tụng kinh (chanting) và thuyết giảng (discourses).

Trong khi đó, bên ngoài các chùa chiền cũng đã phổ biến hình thức thuyết xướng của các nghệ nhân kể chuyện dân gian (folk artists). Đặc điểm chủ yếu của nghệ thuật thuyết xướng (說唱 shuochang) như là một hình thức kể chuyện là ở sự kết hợp giữa ca hát và lời kể (storytelling that combines singing and narration). Cũng có khi việc thuyết xướng này còn kèm theo các bức họa nhằm đạt tới hiệu quả trình bày câu chuyện thu hút khán thính giả. Nhà chùa nhanh chóng học tập phát huy nghệ thuật thuyết xướng này vào hình thức biến văn. Vì vậy có thuyết cho rằng biến văn xuất hiện dưới dưới ảnh hưởng của nghệ thuật tranh kể tích truyện kinh phật (變繪 biến hội hay 變像 biến tượng hay 變像圖 biến tượng đồ - một loại tranh kể các sự kiện, điển cố Phật giáo hoặc tranh vẽ các hình tượng Phật giáo). Người diễn xướng biến văn đã minh họa cho các bài thơ cũng như phần tường thuật của các câu chuyện kinh truyện Phật giáo bằng các tranh vẽ. (Học giả Trung Quốc cho đây chính là tiền thân của các hình minh họa gọi là "sáp đồ" (nghĩa đen là "hình chèn" - chatu 插圖 the illustrations) khắc in kèm trong các tiểu thuyết lớn của Trung Quốc thời kỳ Minh-Thanh về sau.

Do chỗ kinh điển Phật giáo khó hiểu, và cũng do chỗ không phải ai cũng biết chữ để có thể đọc được kinh kệ nên các sư tăng đã dùng hình thức thuyết xướng (nói-ngâm-hát) để rao giảng kinh Phật. Các thuyết xướng này được ghi lại thành các bản văn được gọi là "biến văn". Cũng có khi đoạn thuyết xướng đó được đề viết hay chêm xen vào trong các bức tranh kể chuyện Phật tích nói trên. Biến văn chủ yếu lấy đề tài từ kinh Phật hoặc từ truyện dân gian liên quan đến Phật giáo.

Thể loại biến văn có ảnh hưởng tích cực đến các thể loại tác phẩm kết hợp văn xuôi và thơ với diễn xướng đời sau. Chẳng hạn các thể loại "chư cung điệu" (zhugongdiao 諸宮調), thể "cổ từ" (guci 鼓詞, "drum song" tạm dịch "trống ca" tương tự các bản ballad phương Tây), thể "đàn từ" (tanci 彈 "string song"). Thậm chí ảnh hưởng đó còn lan rộng đến sân khấu tuồng hay hí khúc. Một số văn bản biến văn như "Duy Ma Cật kinh giảng biến văn" (《维摩诘经讲经文) hay "Bát tướng áp tọa văn" (八相押座文 "Khúc dạo đầu làm cho khán giả yên lặng để khai màn diễn xướng kể chuyện tám giai đoạn trong cuộc đời của Đức Phật") có dáng dấp như kịch bản của những nhạc kịch truyền thống (libretti opera) miền Nam Trung Quốc về sau. Cách kết hợp giữa xướng(hát) và nói (thuyết) của các tác phẩm biến văn đó đã rất giống với phong cách kết hợp các điệu-thức (arias) với các phần ngâm thơ trong sân khấu tuồng Trung Quốc. Sự đa dạng của các chủ đề biến văn cũng cung cấp cho nền văn học sân khấu Trung Quốc (the Chinese opera literature) ở các thời đại sau này những tài liệu phong phú.

Có thể xem biến văn là một cách thông tục diễn nghĩa hoặc cũng có thể nói "diễn nôm" hay "tái dịch" tích chuyện, sự lý kinh điển Phật giáo. Biến văn là sản phẩm của những cố gắng của nhà chùa nhằm đưa đến cho câu chuyện về cuộc đời Đức Phật một hình thức tính chất trực quan và nghệ thuật. Biến văn thu hút công chúng đến với giáo lý Phật giáo.

Tính cách diễn xướng của biến văn được bộ lộ và phát huy cao độ trong trường hợp việc trình diễn chuyện kể được thể hiện thành sân khấu (tiếng Hán gọi là "biến trường" (變場). Nghĩa đen của từ "biến văn" (bianwen) gần giống với nghĩa đen của từ "diễn nghĩa" (yanyi 演義: phô diễn, mở rộng, sinh động hóa nội dung tài liệu chính sử) một thuật ngữ thường được sử dụng cho tiểu thuyết

lịch sử. "Diễn nghĩa" tức là trần thuật sự kiện và nhân vật lịch sử theo một hình thức hấp dẫn hơn so với ghi chép sử học. Tương tự "biến" trong thuật ngữ "biến văn" cũng có thể hiểu thành "biến đổi" tích chuyện, kinh truyện thành một hình thức thông tục, thu hút công chúng hơn (đó cũng là nguyên nhân vì sao mà không hiếm khi thuật ngữ biến văn này được được dịch là "văn bản chuyển đổi" - "transformation texts").

Các tác phẩm biến văn (bản chép tay) chỉ được phát hiện nhân dịp khai quật di tích hang động Đôn Hoàng hồi đầu thế kỉ 20 (hầu hết các bản chép lại biến văn mà chúng ta thấy ngày nay đều được phát hiện tại hang động Đôn Hoàng ở tỉnh Cam Túc vào năm 1899). Học giả Vương Quốc Duy công bố phát hiện về các tác phẩm biến văn trong công trình "Truyện thông tục và thơ thông tục đời Đường tìm thấy ở Đôn Hoàng" (王国维《敦煌发见唐朝之通俗诗及通俗小说》) năm 1920 và công trình này có thể được xem là nghiên cứu mở đầu về biến văn. Vương Quốc Duy gọi đó là "truyện thông tục" và "thơ thông tục" [2 tr.]. Một nhà nghiên cứu khác là La Chấn Ngọc thì gọi là "Phật khúc" (佛曲) [3 tr.]. Học giả Trịnh Chấn Đạc được xem là người đầu tiên dùng thuật ngữ "biến văn". Ông viết trong công trình "Văn học thông tục Đôn Hoàng" (《敦煌的俗文学》): "Loại văn học thông tục này có thể nói là khởi nguồn của Phật khúc, chứ không phải là Phật khúc; Thể biến văn chỉ hơi giống Phật khúc, cho nên chúng ta nên gọi chính xác nó là "tục văn" là "biến văn"" [4 tr.].

Biến văn là một sáng tạo độc đáo. Ngoài các đặc điểm như kể chuyện khúc chiết, miêu tả sinh động, tưởng tượng phong phú ra, đặc điểm quan trọng nhất của thể loại này là ở sự kết hợp giữa vận văn và văn xuôi. Vận văn trong biến văn nói chung dùng thể thất ngôn, đôi khi xen lẫn thêm câu ngũ ngôn, lục ngôn. Văn xuôi trong biến văn chủ yếu là loại văn ngôn dễ hiểu. Bên cạnh đó biến văn cũng sử dụng văn biền ngẫu,. Không hiếm trường hợp thấy cũng sử dụng cả bạch thoại khẩu ngữ. Trên đại thể hai phần vận văn và văn xuôi này trong biến văn kết hợp với nhau theo hai cách. Cách thứ nhất là dùng văn xuôi để kể chuyện, còn văn vần thì dùng vào các đoạn ca xướng tô đậm những nội dung đã kể. Cách thứ hai là dùng văn xuôi để nối kết tình tiết chuyện, văn vần thì để miêu tả bối cảnh. Biến văn kế thừa bút pháp phô diễn của phú nhưng lời văn thô dã, tươi mới. Tất nhiên nó không có được lối miêu tả truyền thần, tinh tế của tiểu thuyết gia về sau. Lại càng còn hạn chế trong việc khắc họa tính cách nhân vật, phô diễn thế giới nội tâm nhân vật.

2. "Yên Tử Thiền tông bản hạnh" của Việt Nam – nhìn trong thế so sánh với biến văn

"Yên Tử Thiền tông bản hạnh" là cách chúng tôi gọi gọn nhan đề bản *Yên Tử sơn Trúc Lâm Trần triều Thiền tông bản hạnh* (安子山竹林陳朝禪宗行). Chúng tôi gọi "Yên Tử Thiền tông bản hạnh" là để khỏi trùng với sách *Thiền tông bản hạnh* (xuất bản ấn bản chữ quốc ngữ thành sách riêng của Thích Thanh Từ, của Nguyễn Thế Đăng, và của Hoàng Thị Ngọ) là những sách hoặc chỉ in mỗi tác phẩm *Yên Tử sơn Trúc Lâm Trần triều Thiền tông bản hạnh* (Thích Thanh Từ hay Nguyễn Thế Đăng) hoặc ngoài bản này còn in thêm *Cư trần lạc đạo phú*, *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, *Vịnh Vân Yên tự phú*, *Giáo tử phú* (Hoàng Thị Ngọ). *Yên Tử sơn Trúc Lâm Trần triều Thiền tông bản hạnh* là tác phẩm của Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726). Hoàng Thị Ngọ gọi đó "là một bài hạnh viết bằng thơ thể lục bát dài khoảng 760 vế (tính cả câu chữ Hán có gần 800 câu) kể về sự tích phái Thiền tông và sự tích tu hành của các vị sư tổ triều Trần" [5 tr.19]. Nguyễn Lang gọi đó là "lối văn kể hạnh" và xếp nó vào "văn học kể hạnh" [1].

Mô tả của Hoàng Thị Ngọ thực ra cũng rất khó giúp cho người đọc hình dung được thể thức văn bản "bài hạnh" (tại sao lại nói "khoảng" và "câu chữ Hán" tính thêm đó thì ở đâu trong chuỗi 760 vế đó?). Trong lúc giải thích "kể hạnh" của Nguyễn Lang thực ra lại đang cố gắng chỉ ra phương thức xướng tụng văn bản hơn là chỉ rõ đặc điểm thể loại tác phẩm (miêu tả bản thân văn bản).